

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2020
V/v ly hôn, T/c về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Sương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tống Thị Đ, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Giồng Đắc, xã Nhuận Phú Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Lê Nhựt Q, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Tống Thị Đ trình bày: Năm 2010 qua quen biết nên chị và anh Q có tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/6/2010.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Do vợ chồng thường xuyên

bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Q

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Thị Kiều M, sinh ngày 06/4/2011, hiện cháu M đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu khác.

- Anh Lê Nhựt Q (Vắng mặt): Do anh Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của anh Q.

- Tại bản tự khai ngày 20/02/2020 cháu Lê Thị Kiều M trình bày: Sau khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Tổng Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Tổng Thị Đ là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2. Ngày 12/5/2020 chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung: Do chị công tác xa chị không đến tham dự phiên tòa được. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ

Anh Lê Nhựt Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q

[3] Về hôn nhân: Qua quen biết chị Đ và anh Q có tiền đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị Đ xác định không còn tình cảm với anh Q, chị kiên quyết ly hôn với anh Q. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Q đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh Q

[4] Về con chung: Chị Đ và anh Q có một con chung tên Lê Thị Kiều M, sinh ngày 06/4/2011, hiện nay cháu M đang sống với chị Đ, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Q để làm rõ yêu cầu nuôi con của chị Đ nhưng anh Q vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh Q. Hiện nay cháu M đang sống với chị Đ. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu trên 07 tuổi và cháu có nguyện vọng là sau khi cha mẹ ly hôn cháu được tiếp tục sống với chị Đ. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu M cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị Đ

1. Về hôn nhân: Chị Tống Thị Đ được ly hôn với anh Lê Nhựt Q

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kiều M, sinh ngày 06/4/2011 cho chị Tống Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tống Thị Đ không yêu cầu anh Lê Nhựt Q cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Anh Lê Nhựt Q không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tống Thị Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Tống Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012441 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Tống Thị Đ đã nộp xong.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã B: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Út